TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGỌC HIỂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 66/2018/HNGĐ-ST
Ngày 28-8-2018
V/v tranh chấp xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồng Chí Tín.

Bà Nguyễn Thị Thắm.

***- Thư ký phiên tòa*:** Ông Ngô Thế Bắc là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển.

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2018/TLST - HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 86/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 8 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T; cư trú tại ấp Đ, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (có mặt).

- *Bị đơn:* Anh Mai Thanh H; cư trú tại ấp D, xã T, huyện N, tỉnh Cà Mau (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 11 tháng 4 năm 2018 của chị Trần Thị T và quá trình tố tụng tại Tòa án chị T trình bày: Chị và anh Mai Thanh H tự nguyện kết hôn vào năm 2016, không đăng ký kết hôn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, lối sống, phía bên chồng không tôn trọng và thường hay la mắng, xúc phạm đến chị, do không tự giải quyết được nên chị yêu cầu ly hôn với anh H.

Con chung của chị T và anh H có một người tên Trần Văn V (lấy theo họ mẹ), sinh ngày 12/4/2017 âm lịch đang ở cùng chị hiện chưa có giấy khai sinh, sau khi ly hôn chị yêu cầu nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến anh Mai Thanh H tại văn bản ngày 29 tháng 5 năm 2018 và quá trình tố tụng tại Tòa án anh H trình bày: Anh và chị Trần Thị T tự nguyện kết hôn vào năm 2016, không đăng ký kết hôn, quá trình chung sống thường xảy ra mâu thuẫn chủ yếu bất đồng quan điểm, bản thân chị T cho rằng sống cùng anh quá cực khổ nên tự ý về nhà cha mẹ ruột sinh sống. Gia đình hai bên đã động viên, hòa giải nhưng chị T không đồng ý chung sống cùng anh, nay chị T yêu cầu ly hôn anh chấp nhận.

Về phần con chung có một người tên Mai Thành V (lấy theo họ cha), sinh ngày 12/4/2017 âm lịch, hiện đang ở cùng chị T, chưa có giấy khai sinh, anh chấp nhận giao cho chị T nuôi con sau khi ly hôn, không cấp dưỡng.

Về tài sản anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Vụ việc theo yêu cầu của chị Trần Thị T được Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị T và anh Mai Thanh H được xác lập vào năm 2016 nhưng không đăng ký kết hôn là chưa đảm bảo về trình tự, thủ tục theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình tại thời điểm xác lập, nay xảy ra tranh chấp Tòa án căn cứ vào những quy định về chấm dứt hôn nhân theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để giải quyết. Do quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh H không đăng ký theo quy định của pháp luật, căn cứ Điều 53 và khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị T và anh H là vợ chồng.

[3] Về nuôi con chung: Thời gian chung sống, chị T và anh H có một người con tên Trần Văn V (Mai Thành V), sau khi ly hôn anh H thống nhất giao con cho chị T nuôi, như vậy các đương sự đã thỏa thuận trong việc nuôi con và sự thỏa thuận của các đương sự không trái với quy định của pháp luật nên được chấp nhận là phù hợp

với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, phần cấp dưỡng do đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Anh H có quyền thăm nôm, chăm sóc và giáo dục con theo quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết trong cùng vụ án.

[5] Về án phí: Chị Trần Thị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, được khấu trừ phần tạm ứng án phí chị T đã nộp.

[6] Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 53, khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về hôn nhân: Không công nhận chị Trần Thị T và anh Mai Thanh H là vợ chồng.

Về nuôi con chung: Chị Trần Thị T được nuôi con tên Trần Văn V (Mai Thành V), sinh ngày 12/4/2017 âm lịch đang ở cùng chị T, phần cấp dưỡng đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

Anh H có quyền thăm nôm, chăm sóc và giáo dục con không ai được cản trở nhưng không đươc lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của chị T.

Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng, chị T đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0014171 ngày 11/4/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được khấu trừ.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiển;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển;
- Tòa án nhân dân tỉnh Cà Mau;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Thanh Hải